

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG KHUÔNG  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03/02/2021

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHUÔNG – TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Minh Yên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Long Thị Thu Hà.

2. Ông Sền Quang Thảo.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Giàng Mạnh Vàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Vàng Thị Ch, Địa chỉ: Thôn Ph, xã C, huyện M, tỉnh Lào Cai, vắng mặt, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Anh Sân Văn L, Địa chỉ: Thôn Ph, xã C, huyện M, tỉnh Lào Cai, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2020 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vàng Thị Ch trình bày: Chị và anh Sân Văn L đăng ký kết hôn ngày 16/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật. Hôn nhân của anh chị là tự nguyện, có tìm hiểu, không do bên nào ép buộc. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và trong việc làm ăn xây dựng cuộc sống gia đình. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của hai vợ chồng chúng tôi đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo động viên, nhưng tình cảm vợ chồng không

hàn gắn được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn Văn L.

Về con: Chị Ch và anh L không có con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ch nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 31/12/2020 bị đơn anh Sơn Văn L trình bày: anh và chị Vàng Thị Ch kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị Ch đã trình bày. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020. Nay chị Ch làm đơn khởi kiện ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị Ch cương quyết ly hôn anh đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con: Anh chị không có con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, và công nợ: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh nhất trí để chị Ch chịu án phí ly hôn theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự về đoàn tụ nhưng không thành, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Do chị Ch và anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp về ly hôn”. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại là tại Thôn Ph, xã C, huyện M, tỉnh Lào Cai. Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật

### **[2] Về nội dung:**

**[2.1] Về hôn nhân:** Chị Vàng Thị Ch và anh Sơn Văn L đăng ký kết hôn năm 2019 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, Chị Ch và anh L chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết mâu thuẫn, cả hai anh chị đều xác nhận đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”*. Như vậy hiện tại chị Ch và anh L đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Anh L cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị Ch nên không đồng ý ly hôn nhưng anh L không đưa ra được biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Ch và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; việc chị Ch khởi kiện xin ly hôn là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**[2.2] Về con chung:** Chị Vàng Thị Ch và anh Sân Văn L không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[2.3] Về tài sản chung:** Chị Vàng Thị Ch và anh Sân Văn L đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[3] Về án phí:** Chị Vàng Thị Ch phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014,

Căn cứ Điều 28, 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

### Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Vàng Thị Ch được ly hôn anh Sân Văn L.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Vàng Thị Ch phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Xác nhận chị Ch đã nộp 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí theo biên lai số AB/2012/0008121 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Huyện MK, VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS huyện Mường Khương;
- Các đương sự;
- UBND xã C (ĐKKH số 04, ngày 16/01/2019);
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Lý Thị Minh Yên**